TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2019/HS-ST
Ngày: 31-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Kim Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Trần Văn S, sinh năm 1980 tại tỉnh T; hộ khẩu thường trú: xóm K, xã B, huyện Đ, tỉnh T; chỗ ở: khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Nùng; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1966 và bà Hoàng Thị S1, sinh năm 1966; bị cáo có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1999, có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ, giam từ ngày 16/12/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Dương Thị B, sinh năm 1966; địa chỉ: khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B, có mặt.

2. Trần Tuấn A, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đặng Văn H1, sinh năm 1993; địa chỉ: xóm 8A, xã Hải Đường, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, có mặt.

2. Lê Văn B1, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường DJ9, khu phố 3B, phường T, thị xã B, tỉnh B, có mặt.

3. Ngô Văn P, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm Nà Què, xã Phượng Tiến, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Trần Hồng C, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn S làm công nhân tại công ty giấy SOVI thuộc khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B từ tháng 7/2018. Do không đủ tiền tiêu xài nên S thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 22/11/2018, bị cáo S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate biển số 20C1-001.45 từ phòng số 2 nhà trọ HD, đường N2-D7 thuộc khu phố 6, phường T, thị xã B đến tiệm cầm đồ có tên "555" của bà Dương Thị B ở khu phố 6, phường T, thị xã B để cầm cố giấy tờ tùy thân. Đến nơi, thấy không có người trông coi tiệm, tủ kính để điện thoại trong tiệm không khóa, S nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. S đứng quan sát khoảng 01 đến 02 phút rồi mở tủ kính lấy 06 điện thoại đi động gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F7 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu đỏ; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J5 màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu vàng và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn V. 06 Điện thoại di động và giấy phép lái xe này bà B nhận cầm cố của những người khác. Sau khi trộm được tài sản, S mang về phòng trọ cất giấu.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông Trần Tuấn A đã nhắn tin số Imel của các điện thoại bị mất cho các tiệm cầm đồ, tiệm mua bán điện thoại trên địa bàn phường T, thị xã B.

Đến ngày 23/11/2018, S mang điện thoại di động hiệu Oppo F7 màu đen bán cho tiệm cầm đồ tên "Hưng Phát" của ông Đặng Văn H1 được 2.300.000 đồng; S cầm cố điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu vàng tại 01 tiệm cầm đồ không rõ địa chỉ tại khu công nghiệp M 3, phường T, thị xã B được 800.000 đồng; S bán điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu vàng tại 01 tiệm mua bán điện thoại không rõ địa chỉ tại khu vực xã B, huyện C, thành phố H được 1.400.000 đồng; S cầm cố điện thoại di động Samsung Galaxy J5 màu vàng tại 01tiệm cầm đồ không rõ địa chỉ ở khu vực phường A, thị xã T được 1.000.000 đồng. Tổng số tiền S cầm cố và bán 04 điện thoại di động được 5.500.000 đồng, S tiêu xài cá nhân hết. Riêng điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu đỏ, điện

thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng và giấy phép lái xe mô tô, Sơn để lại sử dụng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 12 giờ 50, ngày 07/12/2018, bị cáo S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate biển số 20C1-001.45 đến tiệm cầm đồ tên "Trần A" của ông Trần Tuấn A ở khu phố 6, phường T, thị xã B để cầm cố tài sản. Đến nơi, S thấy ông Tuấn A đang nằm ngủ trưa, nhưng cửa tiệm vẫn mở, cửa tủ kính chứa điện thoại không có khóa. Lúc này S nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Sau khi đứng quan sát một lúc thấy không có người, S mở tủ kính lấy được 04 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro màu vàng; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2 Prime màu vàng. 04 Điện thoại di động này ông Tuấn A nhận cầm cố của những người khác. Sau khi lấy được tài sản, S đem về phòng trọ cất giấu.

Đến ngày 08/12/2018, bị cáo S đem điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro màu vàng đến tiệm cầm đồ tên "Bảo Tín 1" của ông Trần Hồng C để cầm cố. Ông C đối chiếu số Imel điện thoại của Sơn cầm với số Imel mà ông Tuấn A gửi. Thấy ông C đối chiếu số Imel điện thoại, bị cáo sợ bị phát hiện liền bỏ đi, để lại điện thoại. Sau đó, ông C đã đem trả lại điện thoại này cho ông Tuấn A.

Bị cáo S tiếp tục đem điện thoại di động hiệu Samsung J2 Prime đến tiệm cầm đồ tên "Lê Văn B1" của ông Lê Văn B1 ở khu phố 1, phường T, thị xã B bán được 1.000.000 đồng; đem điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu vàng đến tiệm mua bán điện thoại không rõ địa chỉ cụ thể ở khu vực huyện C, thành phố H bán được 1.800.000 đồng; đem điện thoại di động Samsung J7 Pro màu xanh bán cho tiệm cầm đồ không rõ địa chỉ tại khu vực phường H, thành phố T được 2.700.000 đồng. Tổng số tiền bán 03 điện thoại di động được 5.500.000 đồng, S tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 15/12/2018, ông Trần Tuấn A làm đơn trình báo Công an phường T. Cùng ngày, Công an phường T tuần tra phát hiện trên đường D11, thuộc khu phố 6, phường T, thị xã B, tỉnh B có 01 nam thanh niên điều khiển 01 xe mô tô hiệu Suzuki Hayate, màu đen, biển số 20C1-001.45 có đặc điểm giống với đối tượng đã trộm điện thoại di động tại tiệm cầm đồ "Trần A", nên yêu cầu dừng xe để kiểm tra, phát hiện trên người nam thanh niên có 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5, màu đỏ. Người thanh niên khai tên là Trần Văn S và không chứng minh được nguồn gốc của điện thoại này. Công an phường T mời S về trụ sở làm việc. Sau đó vụ việc được chuyển cho Cơ quan điều tra Công an thị xã B giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra Công an thị xã B, bị cáo Trần Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra đã thu giữ những vật chứng gồm:

- Thu giữ tại tiệm cầm đồ "Hưng Phát" của ông Đặng Văn H1: 01 Điện thoại di động hiệu Oppo F7 màu đen;

- Thu giữ của bị cáo S: 01 Điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu đỏ; 01 xe mô tô hiệu Suzuki Hayate màu đen biển số 20C1-001.45; 01 điện thoại di động hiệu Samsung SM-A3007 màu trắng, số Imel 357572/06/224229/9; 01 điện thoại di động hiệu Asus màu trắng, số serial H1AXHM10W130XLZ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng; 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn V và tiền mặt 400.000 đồng.

- Thu giữ tại tiệm cầm đồ "Trần A" của ông Trần Tuấn A: 01 Điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro màu vàng;

- Thu giữ tại tiệm cầm đồ "Lê Văn B1" của ông Lê Văn B1: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J2 Prime.

Ngày 17/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B đã xác định: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng trị giá 4.000.000 đồng; 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu vàng trị giá 3.500.000 đồng; 01(một) điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu đỏ trị giá 2.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F7 màu đen trị giá 2.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu vàng trị giá 2.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J5 màu vàng trị giá 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 16.000.000 đồng.

Ngày 05/01/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã B đã xác định: 01(một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu xanh trị giá 2.500.000 đồng; 01(một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu vàng trị giá 2.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F1S màu vàng trị giá 2.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J2 Prime trị giá 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 7.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo S chiếm đoạt ở 02 tiệm cầm đồ là 23.500.000 đồng.

Ngày 05/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B ra quyết định xử lý vật chứng:

- Giao trả cho ông Trần Tuấn A: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro màu vàng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J2 Prime màu vàng;

- Giao trả cho bà Dương Thị B: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F7 màu đen; 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng; 01 (một) giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn V.

- Giao trả cho bà Phạm Thị Y (sinh năm 1993, địa chỉ: ấp T, xã A, thị xã B, tỉnh B) là người cầm cố điện thoại cho bà Dương Thị B: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu đỏ.

Đối với xe mô tô hiệu Suzuki Hayate màu đen biển số 20C1-001.45 là tài sản bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội. Qua điều tra đã xác định ông Ngô Văn P là người đứng tên chủ sở hữu. Ông P trình bày mua xe này vào năm 2011. Đến năm 2015, ông P bán đã xe này cho một người đàn ông không nhớ tên tuổi,

địa chỉ cụ thể ở huyện Đ, tỉnh T, không nhớ giá bán và đã làm thất lạc giấy tờ mua bán. Bị cáo S khai đã mua lại xe này của một cửa hàng mua bán xe máy không rõ địa chỉ và cũng đã làm mất giấy tờ mua bán. Ngày 22/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo trên Dịch vụ Phát thanh Truyền hình B để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp đối với xe mô tô nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Văn B1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Ông Đặng Văn H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.300.000 đồng. Bà Dương Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 7.500.000 đồng. Ông Trần Tuấn A yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.500.000 đồng. Bị cáo chưa bồi thường cho các bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 02/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo Trần Văn S về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Văn S về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Văn S mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu Suzuki Hayate màu đen biển số 20C1-001.45. Đề nghị tuyên quản thủ: 01 điện thoại di động hiệu Samsung SM-A3007 màu trắng, 01 điện thoại di động Asus màu trắng và số tiền mặt 400.000 đồng thu giữ của bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, buộc bị cáo bồi thường cho cho bà Dương Thị B số tiền là 7.500.000 đồng, bồi thường cho ông Trần Tuấn A số tiền là 4.500.000 đồng, bồi thường cho ông Đặng Văn H1 số tiền là 2.300.000 đồng, bồi thường cho ông Lê Văn B1 số tiền là 1.000.000 đồng.

Bị cáo Trần Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo không có tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Dương Thị B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 7.500.000 đồng, bị hại Trần Tuấn A yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 4.500.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn B1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.300.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn P vắng mặt tại phiên tòa. Theo nội dung lời khai có trong hồ sơ vụ án, ông Phú là người đứng tên chủ sở hữu đối với xe mô tô hiệu Suzuki Hayate màu đen biển số 20C1-001.45. Ông P đã bán đã xe này cho một người không rõ nhân thân lai lịch từ năm 2015 nên không có yêu cầu gì đối với xe mô tô này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn S đã khai nhận: Bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ nhất, vào ngày 22/11/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate biển số 20C1-001.45 đến tiệm cầm đồ của bà Dương Thị B ở khu phố 6, phường T, thị xã B để cầm cố giấy tờ tùy thân. Thấy tiệm không có người trông coi, tủ kính để điện thoại không khóa, bị cáo đã có hành vi lén lút mở tủ kính lấy 06 điện thoại đi động các loại và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn V. Sau đó, bị cáo mang 04 điện thoại di động các hiệu: Oppo F7 màu đen, Iphone 5 màu vàng, Samsung J7 màu vàng, Samsung Galaxy J5 màu vàng đi cầm cố, bán được 5.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Riêng 02 điện thoại di động các hiệu: Oppo F5 màu đỏ, Iphone 6 Plus màu vàng và giấy phép lái xe mô tô, bị cáo giữ lại sử dụng.

Vụ thứ hai, vào ngày 07/12/2018, bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate biển số 20C1-001.45 đến tiệm cầm đồ của ông Trần Tuấn A ở khu phố 6, phường T, thị xã B để cầm cố tài sản. Tại đây, lợi dụng lúc ông Tuấn A đang nằm ngủ trưa, cửa tiệm vẫn mở, cửa tủ kính chứa điện thoại không có khóa, bị cáo đã có hành vi lén lút mở tủ kính lấy 04 điện thoại di động các loại. Ngày 08/12/2018, bị cáo đem điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro màu vàng

đến tiệm cầm đồ của ông Trần Hồng C để cầm cố. Thấy ông C đối chiếu số Imel điện thoại, bị cáo sợ bị phát hiện liền bỏ đi, để lại điện thoại. Sau đó, bị cáo tiếp tục mang 03 điện thoại di động các hiệu: Samsung J2 Prime, Oppo F1S màu vàng, Samsung J7 Pro màu xanh bán được 5.500.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 15/12/2018, bị cáo bị phát hiện bắt giữ.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Xét bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì động cơ tư lợi, bản chất tham lam, lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài và tài sản để sử dụng mà không phải tốn công sức lao động nên bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả, thể hiện ý thức liều lĩnh và xem thường pháp luật.

[2.3] Tài sản bị cáo chiếm đoạt ngày 22/11/2018 gồm 06 điện thoại di động của bị hại Nguyễn Thị B, có tổng giá trị là 16.000.000 đồng. Tài sản bị cáo chiếm đoạt ngày 04/12/2018 gồm 04 điện thoại di động của bị hại Trần Tuấn A, có tổng giá trị là 7.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản 02 lần bị cáo chiếm đoạt là 23.500.000 đồng (hai mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân.

[2.4] Hành vi của bị cáo Trần Văn S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, bản Cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 02/4/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Trần Văn S về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần, mỗi lần đều có giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định

tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với ông Đặng Văn H1 và ông Lê Văn B1, do không biết điện thoại di động hiệu Oppo F7 màu đen và điện thoại di động hiệu Samsung J2 Prime màu vàng là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên đã mua lại. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không xem xét khởi tố đối với ông Đặng Văn H1 và ông Lê Văn B1 là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

[6.1] Tài sản của bị hại Dương Thị B bị bị cáo chiếm đoạt và không thu hồi lại được có tổng giá trị là 7.500.000 đồng. Tài sản của bị hại Trần Tuấn A bị bị cáo chiếm đoạt và không thu hồi lại được có tổng giá trị là 4.500.000 đồng. Bị hại Bình yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 7.500.000 đồng, bị hại Tuấn A yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 4.500.000 đồng là phù hợp và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.2] Ông Đặng Văn H1 đã mua của bị cáo 01 Điện thoại di động hiệu Oppo F7 màu đen với giá 2.300.000 đồng. Ông Lê Văn B1 đã mua của bị cáo 01 Điện thoại di động hiệu Samsung J2 Prime màu vàng với giá 1.000.000 đồng. Cả 02 điện thoại này đều đã bị thu giữ và giao trả cho bị hại. Ông H1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 2.300.000 đồng, ông B1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 1.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với các vật chứng bao gồm: 01 Điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu vàng; 01 Điện thoại di động hiệu Oppo F5 màu đỏ; 01 Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn V; 01 Điện thoại di động hiệu Oppo F7 màu đen; 01 Điện thoại di động hiệu Samsung J7 Pro màu vàng; 01 Điện thoại di động hiệu Samsung J2 Prime màu vàng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và giao trả toàn bộ các tài sản trên cho các chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp là phù hợp, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7.2] Đối với xe mô tô hiệu Suzuki Hayate màu đen biển số 20C1-001.45 do ông Ngô Văn P là người đứng tên chủ sở hữu. Ông P đã bán xe này cho một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ và đã làm thất lạc giấy tờ mua bán. Bị cáo S khai đã mua lại xe này của một cửa hàng mua bán xe máy không rõ địa chỉ và cũng đã làm mất giấy tờ mua bán. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thông báo trên Dịch vụ Phát thanh Truyền hình B để truy tìm chủ sở hữu hợp pháp đối với xe mô tô nêu trên nhưng không có kết quả. Xét đây là tài sản bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[7.3] Đối với điện thoại di động hiệu Samsung SM-A3007 màu trắng, điện thoại di động Asus màu trắng và số tiền mặt 400.000 đồng thu giữ của bị cáo. Xét đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội. Tuy nhiên cần quản thủ số tài sản này để đảm bảo cho việc thi hành án.

[8] Về án phí hình sự và dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 584, Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Trần Văn S 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/12/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Văn S phải bồi thường cho bà Dương Thị B số tiền là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Trần Tuấn A số tiền là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Đặng Văn H1 số tiền là 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng), bồi thường cho ông Lê Văn B1 số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Kể từ ngày án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) Xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Hayate màu đen, biển số 20C1-001.45, số máy F4A5150104, số khung 090143865.

Tuyên quản thủ để đảm bảo cho việc thi hành án:

- 01 (một) Điện thoại di động hiệu Samsung SM-A3007 màu trắng, số Imel 357572/06/224229/9.

- 01 (một) Điện thoại di động hiệu Asus màu trắng, số Serial H1AXHM10W130XLZ.

- Số tiền 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng).

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh B và Giấy nộp tiền vào Tài khoản số 3949.0.1046035.00000 tại Kho bạc Nhà nước thị xã B, tỉnh B ngày 02/4/2019).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và 765.000 đồng (bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Duyên